BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI
----------o0o----------

DANH SÁCH HỌC LẠI KHÓA 2013,2014,2015,2016 NIÊN CHẾ NĂM HỌC 19-20

Chuyên ngành: Ngôn ngữ Đức Khóa: Khóa 2013,2014,2015,2016

STT	Mã SV	Họ và đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Môn học lại niên chế	1 KTBT (Prag.)	2 Cú pháp NP2	3 Dịch CĐ	4 Dịch viết II	5 Dịch nói II	6 Dịch viết III	7 Dịch nói III	8 Dịch viết I	9 Dịch nói I	10 Đất nước học	11 Hình thái học	12 Ngữ âm	13 Từ vựng	14 NNHĐC	15 Lý thuyết dịch	16 Văn học Đức	17 Nói 2	18 Nghe 3	19 Đọc 3	20 Viết 3	21 Đọc 4	22 Nghe 4	23 Nói 4	24 PPHTNC	Lệ phí học lại	Ký tên	Ghi chú
						Số tiết	75	45	75	75	75	75	75	75	75	45	45	45	45	30	30	90	100	100	100	100	100	100	100	30			
						Môn học qui đổi khối tín chỉ tương đương	KTBT (Prag.)	Cú pháp NP2	Dịch CĐ	Dịch viết II	Dịch nói II	Dịch viết III	Dịch nói III	Dịch viết I	Dịch nói I	Đất nước học	NNH tiếng Đức 1			NNH tiếng Đức 2	NM Biên- Phiên dịch	Văn học Đức	THT1B2-K.18	THT2B2-K.18	THT2B2-K.18	THT2B2-K.18	THT1C1-K.18	THT2C1-K.18	THT4C1-K.17	không có môn học năm 19-20			
1	1507050011	Trần Thị Ngọc	**Anh**	03/08/1997	3Đ-15			x			x																			x			
2	1407050018	Vũ Ngọc Huyền	**Anh**	28/09/1996	1Đ-14								x																				
3	1607050008	Lù Thị Thục	**Anh**	15/04/1998	2Đ-16												x			x		x											
4	1607050023	Nguyễn Bảo	**Châm**	24/02/1998	1Đ-16									x	x				x	x	x	x											
5	1407050023	Vũ Thị Thục	**Chinh**	14/04/1996	1Đ-14								x									x											
6	1607050031	Đào Quý	**Dương**	26/11/1994	4Đ-15		x																										
7	1607050032	Lê Thùy	**Dương**	18/02/1998	2Đ-16												x							x		x		x	x				
8	1607050034	Lành Thị Hương	**Duyên**	16/11/1998	1Đ-16															x													
9	1607050035	Nguyễn Thị	**Duyên**	10/7/1998	2Đ-16										x	x	x	x	x		x	x	x	x			x	x	x				
10	1307050021	Phạm Tiến	**Đạt**	05/11/1995	2Đ-15																	x						x	x				
11	1507050029	Nguyễn Trần Hằng	**Hà**	17/10/1997	4Đ-15				x	x	x	x	x																				
12	1407050037	Phan Thanh	**Hà**	06/09/1996	1Đ-14								x		x					x							x						
13	1507050030	Tạ Thị Thanh	**Hà**	08/10/1997	3Đ-15																							x					
14	1607050044	Trần Hồng	**Hạnh**	28/03/1998	2Đ-16										x		x																
15	1507050041	Mai Thế	**Hoàng**	10/10/1997	3Đ-15																	x											
16	1507050049	Đỗ Đăng	**Khoa**	10/12/1997	2Đ-15		x									x			x		x	x											

STT	Mã SV	Họ và đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Môn học lại niên chế	KTBT (Prag.)	Cú pháp NP2	Dịch CĐ	Dịch viết II	Dịch nói II	Dịch viết III	Dịch nói III	Dịch viết I	Dịch nói I	Đất nước học	Hình thái học	Ngữ âm	Từ vựng	NNHĐC	Lý thuyết dịch	Văn học Đức	Nói 2	Nghe 3	Đọc 3	Viết 3	Đọc 4	Nghe 4	Nói 4	PPHTNC	Lệ phí học lại	Ký tên	Ghi chú
						Số tiết	75	45	75	75	75	75	75	75	75	45	45	45	45	30	30	90	100	100	100	100	100	100	100	30			
						Môn học qui đổi khối tín chỉ tương đương	KTBT (Prag.)	Cú pháp NP2	Dịch CĐ	Dịch viết II	Dịch nói II	Dịch viết III	Dịch nói III	Dịch viết I	Dịch nói I	Đất nước học	NNH tiếng Đức 1			NNH tiếng Đức 2	NM Biên- Phiên dịch	Văn học Đức	THT1B2-K.18	THT2B2-K.18	THT2B2-K.18	THT2B2-K.18	THT1C1-K.18	THT2C1-K.18	THT4C1-K.17	không có môn học năm 19-20			
17	1607050063	Ngô Thị Thảo	**Linh**	23/12/1998	2Đ-16											x	x		x	x					x		x						
18	1407050072	Trần Lê Khánh	**Linh**	01/09/1996	4Đ-15		x	x			x			x	x																		
19	1507050056	Khuất Nhật	**Linh**	08/11/1997	4Đ-15			x			x																						
20	1607050075	Nguyễn Thị Phương	**Mai**	04/041998	2Đ-16												x			x													
21	1607050074	Nguyễn Thị Huyền	**My**	03/11/1998	1Đ-16												x			x										x			
22	1407050099	Nguyễn Vinh	**Quang**	05/09/1996	1Đ-14								x		x																		
23	1507050091	Vũ Xuân	**Quỳnh**	22/10/1997	2Đ-15			x					x																				
24	1507050100	Lê Anh	**Thư**	06/07/1997	3Đ-15		x															x											
25	1607050113	Nguyễn Thị Thủy	**Tiên**	02/10/1998	2Đ-16												x			x													
26	1507050110	Lê Quỳnh	**Trang**	14/10/1997	1Đ-16															x													
27	1507050123	Bùi Hải	**Vy**	27/06/1997	3Đ-15					x	x																						
28	1507050128	Tạ Hoàng	**Yến**	06/10/1997	4Đ-15		x	x					x				x					x											
29	1507050126	Nguyễn Thị Như	**Ý**	26/01/1997	2Đ-15														x														
30	1507050008	Nguyễn Lê Phúc	**Anh**	19/03/1997	2Đ-15		x	x	x	x	x	x	x		x	x	x		x	x	x	x											đã bỏ học
31	1407050044	Nguyễn Thu	**Hằng**	16/01/1996	1Đ-14		x	x	x	x	x	x	x	x																			đã bỏ học
Số sinh viên học lại từng môn							5	5	1	2	5	1	7	2	6	3	9	1	5	9	3	9	1	2	1	1	3	4	3	2			

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2019
Trưởng khoa